

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 70/2024/HS-PT
Ngày 26 - 3 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

Các thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/TLPT-HS ngày 19/02/2024 đối với bị cáo Lê Thị Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 54/2023/HSST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** **Lê Thị Đ**, sinh năm 1983, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: Thôn 10, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không, con ông Lê Đ1, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà Võ Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị H - Luật sư Văn phòng Luật sư Buôn Ma Thuột - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Địa chỉ: Số X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Bà Võ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị Đ và bà Võ Thị P là hàng xóm sống gần nhà nhau. Ngày 10/6/2023, cháu Ngô Thị Minh T và cháu Ngô Thị Minh T1 (con bà P) đi hái điều trong vườn nhà Đ, bị Đ phát hiện và la mắng nên T và T1 về kể lại cho bà P. Khoảng 16 giờ ngày 11/6/2023, Đ ở trong nhà đi ra đường mua bánh cho con thì gặp P cầm chai nước mắm (loại chai nhựa 2 lít) từ trong quán tạp hóa “Vân

Thắng” của bà Nguyễn Thị V, trú cùng thôn đi ra. Thấy Đ, P chửi “Đồ con đi kia, mày ở đâu tới đây mà kêu con tao ăn trộm điều”, Đ chửi lại “Mày cũng là con đi, sao mày chửi tao con đi”. Sau đó, cả hai tiếp tục chửi nhau thì P ném chai nước mắm vào mặt Đ rồi xông vào đánh nhau với Đ. Đ và P xông vào đánh nhau và giằng co nhau rồi lại thả nhau ra. Lúc này, kẹp tóc bằng nhựa của Đ bung ra nên Đ cầm bằng tay phải. Khi P tiếp tục xông vào dùng tay đánh Đ thì bị Đ dùng tay cầm kẹp tóc đánh nhiều cái vào vùng mặt P làm kẹp tóc bị gãy thành hai và rơi xuống đất. Đ và P tiếp tục nắm tóc, giằng co nhau. Một lúc sau, được mọi người đến can ngăn, thấy trên mặt, mũi P chảy máu nên Đ bỏ về nhà, P bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 387/KLTTCT-PY ngày 11/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với thương tích của Võ Thị P: Vết thương xây xát để lại sẹo nông mờ nằm ngang má phải, đầu phía trong cách cánh mũi phải 1,5cm, bờ phẳng, gọn, kích thước (1,3 x 0,1) cm, tỷ lệ 3%. Vết thương xây xát để lại vết biến đổi sắc tố da thấp mũi phải, sát má phải, kích thước (1 x 0,5) cm, xây xát để lại vết biến đổi sắc tố da vùng cằm trái, kích thước (1 x 0,5)cm, tỷ lệ 1%. Gãy xương chính mũi, tỷ lệ 8%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Thị P tại thời điểm giám định là 12%. Vật tác động: Vật tày, cứng và vật tày, cứng có cạnh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lê Thị Đ phải bồi thường cho bà Võ Thị P 30.853.253 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường theo biên lai thu 60AA/2021/0006248 ngày 05/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường là 15.853.253 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/12/2023 bị hại bà Võ Thị P kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường dân sự, tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 134.700.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng, cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; Người bị hại giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường dân sự.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại tăng hình phạt và không cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với yêu cầu của bị hại về tăng mức bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 134.700.000 đồng, xét mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thị Đ phải bồi thường cho bà Võ Thị P là 30.853.253 đồng là chưa phù hợp với thực tế mà bị hại đã chi phí và tổn thất, do đó cần tăng mức bồi thường theo quy định của pháp luật, cụ thể tăng tiền thu nhập bị hại mất trong 10 ngày điều trị, tiền công người chăm sóc khi bị hại nằm viện trong 10 ngày, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo không đến xin lỗi bị hại và không bồi thường cho bị hại, mà còn đe dọa, thách thức bị hại. Do vậy, mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là quá nhẹ, đề nghị HĐXX phúc thẩm tăng hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền chi phí sau: Tiền thuốc + Viện phí có hóa đơn 11.513.213 đồng, Tiền công + người nuôi là Tổng: 7.200.000 đồng, trong đó: 10 ngày nằm viện x 300.000đ/ngày x 2 người = 6.000.000 đồng và 4 ngày tái khám x 300.000đ = 1.200.000đ; Tiền thuê xe đi khám là 10.000.000 đồng; Phục hồi sức khỏe là 15.000.000 đồng; Thăm mỗ là sẹo là 30.000.000 đồng; Bồi thường tổn thất tinh thần 30 tháng lương cơ sở x 1.800.000đ/tháng = 54.000.000 đồng. Tổng cộng là 127.713.253 đồng.

Bị cáo, bị hại không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 11/6/2023 tại khu vực trước quán tạp hóa V T thuộc thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giữa bị cáo Lê Thị Đ và bị hại Võ Thị P xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bà P cầm chai nước mắm loại 2 lít vỏ bằng nhựa ném vào mặt bị cáo Đ, tiếp đó hai bên xông vào đánh, giằng co nhau. Trong lúc hai bên đánh nhau, bị cáo Lê Thị Đ đã dùng tay phải cầm 01 kẹp tóc bằng nhựa đánh nhiều cái vào vùng mặt Võ Thị P, gây thương tích 12%. Với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Đ về

tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt, Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên nhân xảy ra vụ việc có một phần lỗi của bị hại, bị hại đã có hành vi chửi và tấn công bị cáo trước. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường một phần cho bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thoả đáng và đã xem xét đến mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt và không cho bị cáo được hưởng án treo. Do bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú, chuyển từ xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sang cư trú tại xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk nên cần giao bị cáo cho UBND xã E giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Theo tài liệu, chứng cứ thể hiện, bị hại điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên từ ngày 11/6/2023 đến ngày 20/6/2023 là 10 ngày, nơi bị thương tích là vùng mắt, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12 %. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định tổn thất về tinh thần bằng 06 tháng lương cơ sở với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng / tháng là chưa phù hợp nên cần xác định lại mức bồi thường tổn thất tinh thần bằng 11 tháng lương, với lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở. Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cần buộc bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe do sức khỏe bị xâm hại. Cụ thể, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản tiền như sau:

- Tiền viện phí ra viện (Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên): 58.213 đồng (BL 183, 184);
- Tiền thuốc có hóa đơn: 11.455.040 đồng;
- Tiền xe, thuê xe: Căn cứ vào các hóa đơn chứng từ bị hại cung cấp, thì bị hại nằm viện từ ngày 11 đến ngày 20/6/2023, sau đó có đi khám, lấy thuốc tại thành phố Buôn Ma Thuột vào các ngày 22/6; 28/6; 03/7 và 12/9/2023. Như vậy, bị hại có tổng cộng 05 lần thuê xe đi điều trị, đi khám, lấy thuốc. Do đó, tiền thuê xe là: 05 lần x 1.000.000 đồng/lần = 5.000.000 đồng.
- Tiền thu nhập bị mất do nằm viện: 10 ngày x 300.000 đồng = 3.000.000 đồng.
- Tiền công người chăm sóc khi nằm viện: 10 ngày x 300.000 đồng = 3.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 11 tháng lương cơ sở x 1.800.000 đồng/tháng = 19.800.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 5.000.000 đồng.

Tổng cộng: 47.313.253 đồng.

Do đó, cần buộc bị cáo Lê Thị Đ phải bồi thường cho bị hại Võ Thị P số tiền 47.313.253 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước đó, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường là 32.313.253 đồng.

[4] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm, phân trách nhiệm dân sự nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại, cụ thể bị cáo Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 32.313.253 đồng x 5% = 1.615.000 đồng (làm tròn số).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Võ Thị P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về phân trách nhiệm dân sự.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Đ** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm,

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải bồi thường cho bị hại bà Võ Thị P tổng số tiền số tiền 47.313.253 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường nộp theo biên lai thu 60AA/2021/0006248 ngày 05/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường là 32.313.253 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.615.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 992.500 đồng bị cáo đã nộp tại Biên lai thu tiền số 60AA/2021/006297 ngày 21/3/2024 và số 60AA/2021/006298 ngày 21/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo còn phải nộp số tiền 822.500 đồng.

Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân